

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BUÔN HỒ  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 25/2018/DS-ST

Ngày: 29-11-2018

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Minh Chức.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông MLô Y Hoa.

2. Bà Hoàng Vạn Sinh.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Yên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2018/QĐST-DS ngày 13/11/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Vợ chồng ông Cao Đình L, bà Trần Thị Thùy H; Cùng trú tại: Tổ dân phố A, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Quốc T; Trú tại: Tổ dân phố C, phường Th, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Cao Đình L trình bày:** Thông qua người quen giới thiệu nên vào ngày 30/12/2017 âm lịch tức ngày 13/02/2018 dương lịch ông Trần Quốc T có vay của vợ chồng ông Cao Đình L, bà Trần Thị Thùy H số tiền 350.000.000đồng; hẹn đến ngày 02/3/2018 trả. Việc vay số tiền này chỉ liên quan giữa vợ chồng ông L, bà H và ông T, không liên quan đến người nào khác. Tuy nhiên đến nay đã quá hạn thanh toán

nhưng ông T vẫn không chịu trả, mặc dù vợ chồng ông L, bà H đã nhiều lần yêu cầu. Vì vậy vợ chồng ông L, bà H khởi kiện yêu cầu ông T phải trả số tiền 350.000.000 đồng, không yêu cầu lãi.

**- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Thùy H trình bày:** Bà H có ý kiến như ý kiến của ông L. Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả số tiền 350.000.000 đồng cho vợ chồng ông L, bà H, không yêu cầu lãi.

**- Tại Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Quốc T trình bày:** Do chỗ quen biết nên vào ngày 30/12/2017 âm lịch tức ngày 13/02/2018 dương lịch ông T có vay của vợ chồng ông Cao Đình L, bà Trần Thị Thùy H số tiền 350.000.000 đồng, hạn 15 ngày sau sẽ trả; mục đích vay để sử dụng cho cá nhân. Việc vay số tiền này chỉ liên quan giữa ông L, bà H và ông T, không liên quan đến người nào khác. Sau đó, ông T đã trả được cho vợ chồng ông L, bà H tổng số tiền là 200.000.000 đồng, trả làm 03 lần. Cả 03 lần ông T trả đều đưa cho bà H tại nhà bà H, ông L. Khi trả hai bên không viết giấy trả tiền, nhưng ông T có người làm chứng và có chứng cứ chứng minh, ông T sẽ cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, ông T chỉ còn nợ của vợ chồng ông L, bà H số tiền 150.000.000 đồng. Nay vợ chồng ông L, bà H yêu cầu ông T trả số tiền 350.000.000 đồng, ông T chỉ đồng ý trả cho vợ chồng ông L, bà H số tiền 150.000.000 đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn vắng mặt lần hai tại phiên tòa đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông L, bà H là có căn cứ, còn khai nại của ông Toại là không có cơ sở chấp nhận vì không có chứng cứ để chứng minh và vợ chồng ông L, bà H không thừa nhận, nên buộc bị đơn ông T phải trả cho vợ chồng ông L, bà H số tiền 350.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là phù hợp.

Tại phiên tòa các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn ông Trần Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và hậu quả pháp lý của việc vắng mặt bị đơn phải tự chịu theo quy định của pháp luật về quyền được pháp luật bảo vệ.

**[2] Về nội dung tranh chấp:** Xét yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông L, bà H về việc yêu cầu ông Toại phải trả số tiền 350.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Ngày 13/02/2018 vợ chồng ông L, bà H có cho ông T vay số tiền 350.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 02/3/2018 là có thật; được thể hiện tại Giấy vay tiền ngày 13/02/2018 và sự thừa nhận của ông T.

[2.2] Xét lời khai nại của ông T là đã trả cho vợ chồng ông L, bà H số tiền 200.000.000 đồng trong số tiền vay trên, khi trả hai bên không lập văn bản và cũng không nhớ rõ thời gian trả, vợ chồng ông L, bà H không thừa nhận, đồng thời Tòa án cũng đã yêu cầu ông T cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh, nhưng hết thời hạn yêu cầu của toà án ông T vẫn không cung cấp. Khi vay tiền ông Toại có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hơn nữa ông T làm việc tại ngân hàng đương nhiên ông T phải biết được về cơ sở pháp lý việc vay, trả tiền phải lập văn bản như thế nào, trừ thoả thuận khác khi hai bên đều thừa nhận. Việc ông Toại không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ tài liệu chứng cứ để thể hiện yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp thì ông T phải chịu hậu quả pháp lý về việc không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ tài liệu chứng cứ quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 96 BLTTDS, đồng thời vợ chồng ông L cam kết lời khai của ông T là không đúng và sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

Từ các phân tích trên, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự cũng như làm lành mạnh hoá các quan hệ dân sự trong đời sống xã hội, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông L, bà H, buộc ông T phải có nghĩa vụ trả cho ông L, bà H số tiền 350.000.000 đồng; về lãi suất, ông L, bà H không yêu cầu tính lãi nên không đặt ra để xem xét là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

**[3] Về án phí:**

Bị đơn ông T phải chịu 17.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho vợ chồng ông L, bà H 8.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là phù hợp với quy định tại Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- khoản 2 Điều 91, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 96, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015.
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Cao Đình L, bà Trần Thị Thùy H.**

Buộc ông Trần Quốc T phải trả cho vợ chồng ông Cao Đình L, bà Trần Thị Thùy H số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Về lãi suất, ông L, bà H không yêu cầu tính lãi.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 để tính lãi suất giai đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu.

### **2. Về án phí:**

Bị đơn ông Trần Quốc T phải chịu 17.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho vợ chồng ông Cao Đình L, bà Trần Thị Thùy H 8.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0005322 Ngày 10/7/2018 Tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tx Buôn Hồ;
- Chi cục THADS tx Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**HOÀNG MINH CHỨC**

